



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TRƯỜNG SƠN**

*Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED
Add: P.2407 Nhà 34T - Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2410949/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084
Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TRƯỜNG SƠN**

*Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán*



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	3 – 4
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	6 – 21
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép hoạt động theo Quyết định số 101/UBCK-GP ngày 11 tháng 12 năm 2008.

Vốn điều lệ : 41.000.000.000 VND (Bốn mươi một tỷ đồng).

Vốn pháp định : 35.000.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ đồng).

Hoạt động của Công ty theo Giấy phép thành lập:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Trụ sở chính: Tầng 4, toà nhà Nhất Lộc Phát, số 168 Phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Hoàng Minh Sơn	Chủ tịch	12/12/2008
Ông Phạm Ngọc Thắng	Ủy viên	12/12/2008
Ông Đào Hoàng Tuấn	Ủy viên	12/12/2008
Ông Đỗ Hoàng Thiệu	Ủy viên	12/12/2008
Ông Hoàng Minh Trường	Ủy viên	12/12/2008

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Phạm Ngọc Thắng	Tổng Giám đốc	12/12/2008
Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	14/07/2009

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính năm 2009 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của mình phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Để đảm bảo được tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc của Công ty đảm bảo:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Hoàng Minh Sơn

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Ngọc Thắng

Số: 20/2010/BCKT/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn

**Kính gửi: Hội đồng quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 22/02/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

- Theo quy định tại điều 32, Quyết định 27/2007/QĐ-BTC, "Công ty chứng khoán phải quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng tách biệt khỏi tiền của chính công ty chứng khoán. Công ty chứng khoán không được trực tiếp nhận tiền giao dịch chứng khoán của khách hàng". Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn đã tiến hành quản lý tiền gửi của nhà đầu tư tại các ngân hàng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của nó, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT

Giám đốc

Dương Thị Thảo
 Chứng chỉ KTV số: 0162/KTV

Kiểm toán viên


Trần Thị Yến Ngọc
 Chứng chỉ KTV số: 0926/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		43.456.571.670	27.544.335.469
110	I Tiền	1	26.205.041.873	17.759.997.357
111	1 Tiền		7.205.041.873	2.759.997.357
112	2 Các khoản tương đương tiền		19.000.000.000	15.000.000.000
120	II Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn		6.368.964.106	-
121	1 Đầu tư ngắn hạn	2	6.368.964.106	-
129	2 Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn		-	-
130	III Các khoản phải thu		10.499.319.519	9.775.763.712
131	1 Phải thu của khách hàng		9.615.170.431	-
132	2 Trả trước cho người bán		323.468.000	984.941.712
133	3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
135	5 Các khoản phải thu khác	3	773.108.688	8.790.822.000
136	6 Dự phòng phải thu khó đòi (*)	4	(212.427.600)	-
140	IV Hàng tồn kho		-	-
150	V Tài sản ngắn hạn khác		383.246.172	8.574.400
151	1 Tạm ứng		42.224.000	8.224.400
154	3 Thuế và các khoản phải thu nhà nước		339.172.172	-
158	4 Tài sản ngắn hạn khác	5	1.850.000	350.000
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		12.717.033.796	13.545.416.710
210	I Các khoản phải thu dài hạn			
220	II Tài sản cố định	6	7.458.592.785	6.568.210.635
221	1 Tài sản cố định hữu hình		4.879.841.139	6.367.357.139
222	- Nguyên giá		6.467.055.588	6.367.357.139
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.587.214.449)	-
224	2 Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3 Tài sản cố định vô hình		2.412.440.646	200.853.496
228	- Nguyên giá		2.737.182.996	200.853.496
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(324.742.350)	-
230	4 Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		166.311.000	-
240	III Bất động sản đầu tư			
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V Tài sản dài hạn khác		5.258.441.011	6.977.206.075
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	7	4.765.892.621	6.484.657.685
263	3 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	8	120.000.000	120.000.000
268	4 Tài sản dài hạn khác		372.548.390	372.548.390
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		56.173.605.466	41.089.752.179

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A NỢ PHẢI TRẢ		28.285.101.197	373.342.022
310	I Nợ ngắn hạn		28.285.101.197	373.342.022
311	1 Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2 Phải trả người bán		170.899.500	373.342.022
313	3 Người mua trả tiền trước		-	-
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	19.884.808	-
315	5 Phải trả người lao động		-	-
316	6 Chi phí phải trả	10	251.912.199	-
317	7 Phải trả nội bộ		-	-
320	8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	11	5.803.319.071	-
321	9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	-
322	10 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
328	11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	22.039.085.619	-
329	12 Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II Nợ dài hạn		-	-
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	27.888.504.269	40.716.410.157
410	I Vốn chủ sở hữu		27.888.504.269	40.716.410.157
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	41.000.000.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3 Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	9 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(13.111.495.731)	(283.589.843)
430	II Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		56.173.605.466	41.089.752.179

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
001	1 Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
002	2 Vật tư, chứng chỉ nhận giữ hộ		-	-
003	3 Tài sản nhận ký cược		-	-
004	4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5 Ngoại tệ các loại (USD)		13.330	13.330
006	6 Chứng khoán lưu ký		9.308.180.000	-
	Trong đó:			
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		9.308.180.000	-
008	6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký			
009	6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		9.308.180.000	
010	6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài			
011	6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác			
012	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			
017	6.3 Chứng khoán cầm cố			
022	6.4 Chứng khoán tạm giữ			
027	6.5 Chứng khoán chờ thanh toán			
032	6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút			
037	6.7 Chứng khoán chờ giao dịch			
042	6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo các khoản vay			
047	6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch			
	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết			
050	7			
	Trong đó:			
051	7.1 Chứng khoán giao dịch			
056	7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			
061	7.3 Chứng khoán cầm cố			
066	7.4 Chứng khoán tạm giữ			
071	7.5 Chứng khoán chờ thanh toán			
076	7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút			
081	7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch			
082	8 Chứng khoán lưu ký của khách hàng			
	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng			
083	9 khoán			
084	10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu tư			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Thạch Thanh Tuấn

Hồ Hoài Nam



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	14	12.422.974.695	4.680.960
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		4.527.015.509	-
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		5.729.912.626	-
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		-	-
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	-
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	- Doanh thu khác		2.166.046.560	4.680.960
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu	15	63.840.338	-
10	3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16	12.359.134.357	4.680.960
11	4 Chi phí hoạt động kinh doanh		15.555.010.064	-
20	5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(3.195.875.707)	4.680.960
25	6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	9.621.080.309	341.781.331
30	7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.816.956.016)	(337.100.371)
31	8 Thu nhập khác		66.886.245	53.510.528
32	9 Chi phí khác		77.836.117	-
40	10 Lợi nhuận khác		(10.949.872)	53.510.528
50	11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(12.827.905.888)	(283.589.843)
51	12 Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	-	-
52	13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14 Lợi nhuận sau thuế TNDN		(12.827.905.888)	(283.589.843)
70	15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Thạch Thanh Tuấn

Hồ Hoài Nam



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán				
01	1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		1.804.676.750	
02	2 Tiền chi từ hoạt động kinh doanh		(545.603.220)	(191.065.347)
05	5 Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán			(120.000.000)
06	6 Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		342.128.856.000	
07	5 Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(431.314.163.000)	
08	6 Tiền thu bán chứng khoán phát hành			
09	7 Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán			
10	8 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(3.184.095.745)	(8.315.737.841)
11	9 Tiền chi trả cho người lao động		(2.527.881.290)	(2.056.280.000)
12	10 Tiền chi trả lãi vay			
13	11 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(391.342.946)	
14	12 Tiền thu khác		158.020.780.515	51.714.641.505
15	13 Tiền chi khác		(149.716.572.092)	(51.971.026.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(85.725.345.028)	(10.939.467.883)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1 Tiền mua TSCĐ, XDCB và các tài sản dài hạn khác		(1.979.400.594)	(25.339.250.000)
22	2 Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
23	3 khác		(325.537.027.177)	
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		310.349.476.349	2.140.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư khác		(990.495.541.929)	
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.097.806.249.555	
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			53.510.528
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		90.143.756.204	(23.145.739.472)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			45.919.188.713
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			(12.794.188.713)
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			1.063.000.000
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay			(1.009.266.959)
35	5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	33.178.733.041

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRƯỜNG SƠN

Số 168 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	4.418.411.176	(906.474.314)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	2.759.997.357	3.665.285.401
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	26.633.340	1.186.270
70	kỳ	7.205.041.873	2.759.997.357

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc

Thạch Thanh Tuấn

Hồ Hoài Nam



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Năm 2009**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép hoạt động theo Quyết định số 101/UBCK-GP ngày 11 tháng 12 năm 2008.

Vốn điều lệ : 41.000.000.000 VND (Bốn mươi một tỷ đồng).

Vốn pháp định : 35.000.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ đồng).

Trụ sở chính: Tầng 4, toà nhà Nhất Lộc Phát, số 168 Phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty theo Giấy phép thành lập:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư số 95/2008/TT-BTC, các hướng dẫn sửa đổi bổ sung và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TRƯỜNG SƠN

Số 168 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

320
CÔ
VCH K
VU K
VÀ T
1
100

III . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BẢO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	414.258.818	237.565.048
Tiền gửi ngân hàng	1.061.856.901	2.522.432.309
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	5.728.926.154	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	19.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	26.205.041.873	17.759.997.357

(*) Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày 31/12/2009

	31/12/2009	Kỳ hạn
	VND	
- Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Thành	3.000.000.000	2 tuần
- Ngân hàng Habubank	3.000.000.000	2 tuần
- Ngân hàng NHB - Chi nhánh Hà Nội - Phòng GD Kim Mã	10.000.000.000	2 tuần
- Công ty TNHH MTV Tài chính Tham - Khoán sản Việt Nam	3.000.000.000	2 tuần
Cộng	19.000.000.000	

2 . Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	-	-
Đầu tư góp vốn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	6.368.964.106	-
- Cầm cổ chứng khoán cho Nhà đầu tư	142.000.000	-
- Cho vay hỗ trợ Nhà đầu tư	6.226.964.106	-
Cộng	6.368.964.106,0	-

3 . Các khoản phải thu khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu khác	743.579.725	8.790.822.000
Phải trả, phải nộp khác (Dư nợ)	29.528.963	-
Cộng	773.108.688	8.790.822.000

4 . Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Dự phòng phải thu khó đòi	212.427.600	-
Cộng	212.427.600	-

Chi tiết trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Tam ứng đợt 1 hợp đồng số 012208/FN2N/DTVN ngày 22/01/2008 cho Công ty Cổ phần Giải pháp hệ thống thông tin tài chính Fina N2N, số tiền: 303.468.000 đồng.

Thời hạn triển khai hợp đồng 13 tuần
Tỷ lệ trích lập 70%
Mức trích lập 212.427.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRƯỜNG SƠN

Số 168 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

5 - Tài sản ngắn hạn khác

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cầm cổ, ký quỹ ký cược ngắn hạn	1.850.000	350.000
Cộng	1.850.000	350.000

6 - Tài sản cố định

a) Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	6.367.357.139	-	6.367.357.139
2. Số tăng trong năm	182.309.114	-	182.309.114
- Mua sắm mới	182.309.114	-	182.309.114
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	82.610.665	-	82.610.665
- Thanh lý, nhượng bán	82.610.665	-	82.610.665
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	6.467.055.588	-	6.467.055.588
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	-	-	-
2. Số tăng trong năm	1.591.988.997	-	1.591.988.997
- Trích khấu hao	1.591.988.997	-	1.591.988.997
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	4.774.548	-	4.774.548
- Thanh lý, nhượng bán	4.774.548	-	4.774.548
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.587.214.449	-	1.587.214.449
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	6.367.357.139	-	6.367.357.139
2. Cuối năm	4.879.841.139	-	4.879.841.139

b) Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	-	200.853.496	200.853.496
2. Số tăng trong năm	-	2.536.329.500	2.536.329.500
- Mua sắm mới	-	2.536.329.500	2.536.329.500
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	2.737.182.996	2.737.182.996
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	324.742.350	324.742.350
- Trích khấu hao	-	324.742.350	324.742.350
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	324.742.350	324.742.350
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	-	200.853.496	200.853.496
2. Cuối năm	-	2.412.440.646	2.412.440.646

7 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí trước hoạt động	4,237,431,427	5,766,426,778
Thiết bị, công cụ dụng cụ	511,489,765	718,230,907
Trả trước phí Internet	16,971,429	-
	4,765,892,621	6,484,657,685

8 . Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tăng quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-
Giảm quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-
Số cuối năm	120,000,000	120,000,000

9 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	155,179	-
Các loại thuế khác	18,756,429	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	973,200	-
Cộng	19,884,808	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí thuế ngoài(điện, nước, bảo vệ ...)	68,300,599	-
Trích trước chi phí kiểm toán	44,000,000	-
Chi phí phải trả khác	139,611,600	-
Cộng	251,912,199	-

11 . Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	74,392,917	-
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE)	47,930,353	-
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)	26,462,564	-
Phải trả tiền ký quỹ của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	5,728,926,154	-
Cộng	5,803,319,071	-

12 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	27.000.000	-
Kinh phí công đoàn	6.101.468	-
Bảo hiểm xã hội	27.604.600	-
Bảo hiểm y tế	4.140.690	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	21.974.238.861	-
Cộng	22.039.085.619	-

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<i>Nhận môi giới trái phiếu chính phủ của Nhà đầu tư</i>	<i>20.825.200.000</i>	<i>-</i>
- Ông Bùi Minh Hải	6.541.500.000	-
- Ông Phạm Tuấn Anh	7.411.050.000	-
- Nguyễn Văn Tuấn	6.730.650.000	-
- Nguyễn Thị Thu Hà	142.000.000	-
<i>Phải trả khác</i>	<i>1.149.038.861</i>	<i>-</i>
Cộng	21.974.238.861	-

13 . Vốn chủ sở hữu

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguồn vốn kinh doanh	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
1. Vốn góp ban đầu	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
2. Vốn bổ sung	-	-	-	-
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-
- Bổ sung từ nguồn khác	-	-	-	-
3. Chứng khoán ngân quỹ thuần	-	-	-	-
- Chứng khoán ngân quỹ	-	-	-	-
- Dự phòng CK ngân quỹ	-	-	-	-
II. Các quỹ và lợi nhuận	(283.589.843)	-	12.827.905.888	(13.111.495.731)
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
2. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
- Dự trữ pháp định	-	-	-	-
- Dự trữ theo điều lệ công ty	-	-	-	-
- Dự trữ bất thường	-	-	-	-
- Dự trữ khác	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng TCMVL	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	(283.589.843)	-	12.827.905.888	(13.111.495.731)
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Tổng cộng	40.716.410.157	-	12.827.905.888	27.888.504.269

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRƯỜNG SƠN

Số 168 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Số tiền đã góp đến 31/12/2009
<i>Cổ đông sáng lập</i>	<i>2.009.000</i>	<i>20.090.000.000</i>	<i>20.090.000.000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam	1.025.000	10.250.000.000	10.250.000.000
Ngân hàng TNCP Việt Á	205.000	2.050.000.000	2.050.000.000
Ông Hoàng Minh Trường	369.000	3.690.000.000	3.690.000.000
Ông Phạm Ngọc Thắng	205.000	2.050.000.000	2.050.000.000
Ông Đào Hoàng Tuấn	205.000	2.050.000.000	2.050.000.000
<i>Các cổ đông phổ thông</i>	<i>2.091.000</i>	<i>20.910.000.000</i>	<i>20.910.000.000</i>
Cộng	4.100.000	41.000.000.000	41.000.000.000

c) Tình hình thu nhập của vốn chủ sở hữu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(12.827.905.888)	(283.589.843)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.827.905.888)	(283.589.843)
Cổ phiếu phổ thông bình lưu hành quán trong kỳ	4.100.000	4.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.129)	(69)

14 . Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.527.015.509	-
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.729.912.626	-
Doanh thu khác	2.166.046.560	4.680.960
Cộng	12.422.974.695	4.680.960

15 . Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Hoàn phí giao dịch	63.840.338	-
Cộng	63.840.338	-

16 . Doanh thu thuần

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	12.359.134.357	4.680.960
Cộng	12.359.134.357	4.680.960

17 . Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	1.053.078.343	
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	12.198.775.157	
Chi phí khác	1.193.999.894	
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.109.156.670	-
- Chi phí nhân viên	1.011.067.438	
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	6.203.120	
- Chi phí khấu hao TSCĐ		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.912.237	
- Chi phí khác bằng tiền	973.875	
Cộng	15.555.010.064	-

18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.827.905.888)	(283.589.843)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	106.110.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	283.589.843	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(13.005.385.731)	(283.589.843)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . Những thông tin khác

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	5.728.926.154	-
Các khoản khác	-	-
	5.728.926.154	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRƯỜNG SƠN

Số 168 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

20. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2009	01/01/2009
1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	22,64%	32,97%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	77,36%	67,03%
2. Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	0,00%	0,00%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	0,00%	0,00%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	0,00%	0,00%
3. Tình hình tài chính			
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	50,35%	0,91%
- Khả năng thanh toán			
Hiện thời: TSLE/ Nợ ngắn hạn	lần	1,31	73,78
Thanh toán nhanh: (TSLE - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	lần	1,31	73,78
Thanh toán bằng tiền: Tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn	lần	0,93	47,57

21. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn và phân loại phù hợp với Quy định hiện hành.

Người lập biểu

Thạch Thanh Tuấn

Kế toán trưởng

Hồ Hoài Nam

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

